

CÔNG TY CỔ PHẦN ACS VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ACS VIỆT NAM

Địa chỉ: Km10 đường Phạm Văn Đồng - Dương Kinh - Thành phố Hải Phòng

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp	9 - 31



CÔNG TY CỔ PHẦN ACS VIỆT NAM

Địa chỉ: Km10 đường Phạm Văn Đồng - Dương Kinh - Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần ACS Việt Nam trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần ACS Việt Nam (viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Quảng cáo và Dịch vụ văn hóa, được thành lập theo Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 30/09/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0200124348 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/10/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 06/05/2015.

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN ACS VIỆT NAM

Vốn điều lệ: 108.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính: Km10 đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thành Phương	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 10/12/2021)
Ông Trần Bảo Nam	Phó chủ tịch thường trực (Bổ nhiệm ngày 10/12/2021)
Ông Vũ Trọng Toàn	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/12/2021)
Ông Đào Việt Trúc	Chủ tịch HĐQT (Từ nhiệm ngày 17/11/2021)
Ông Trần Tuấn Khanh	Phó Chủ tịch Thường trực (Từ nhiệm ngày 17/11/2021)
Ông Đào Văn Toàn	Thành viên (Từ nhiệm ngày 17/11/2021)
Bà Phạm Thị Hương	Thành viên
Bà Lê Thị Hoài Thu	Thành viên
Bà Trần Thị Bình	Thành viên (Từ nhiệm ngày 17/11/2021)

Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Kim Loan	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 10/12/2021)
Bà Vũ Thị Vân Thường	Trưởng Ban kiểm soát (Từ nhiệm ngày 17/11/2021)
Bà Đỗ Thị Dung	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 10/12/2021)
Ông Đỗ Đức Khiêm	Thành viên
Ông Đào Ngọc Thanh	Thành viên (Từ nhiệm ngày 17/11/2021)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Lê Thị Hoài Thu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Bình	Kế toán trưởng

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính tổng hợp để Báo cáo tài chính tổng hợp không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,


**CÔNG TY
CỔ PHẦN
ACS VIỆT NAM**
DUY NHẤT TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Hoài Thu

Lê Thị Hoài Thu
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 02 năm 2022

Số: 76/2022/BCKT- CPA VIETNAM-NV3

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2021 của Công ty Cổ phần ACS Việt Nam

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần ACS Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần ACS Việt Nam được lập ngày 10/02/2022, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31/12/2021, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần ACS Việt Nam tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 5.2 và 5.12 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp: Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các Sở, ban ngành của Thành phố Hải Phòng về giá trị đền bù của Dự án hạ tầng cơ sở Trung tâm hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng. Giá trị thu hồi của khoản chi phí ứng trước cho Công ty TNHH Du lịch văn hóa ACS và dự án trên chỉ được xác định một cách chắc chắn khi có Quyết định chính thức của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng về giá trị đền bù khi thu hồi đất. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Bùi Thị Thúy
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2022

Lưu Anh Tuấn

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		50.298.662.462	49.490.969.117
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	665.897.000	605.973.717
1. Tiền	111		665.897.000	605.973.717
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	40.641.586.301	35.365.705.600
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		40.641.586.301	35.365.705.600
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.500.699.417	13.103.662.890
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	950.001.799	1.821.834.158
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	393.640.441	1.036.489.429
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	7.169.278.276	12.259.186.937
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(858.450.818)	(2.860.077.353)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		846.229.719	846.229.719
IV. Hàng tồn kho	140		18.464.830	360.158.626
1. Hàng tồn kho	141	5.7	18.464.830	360.158.626
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		472.014.914	55.468.284
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	462.122.718	46.102.088
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	9.892.196	9.366.196
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		127.685.206.021	131.220.310.422
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		59.286.324.431	62.666.598.694
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	59.286.324.431	62.666.598.694
<i>Nguyên giá</i>	222		99.200.562.693	102.494.130.346
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(39.914.238.262)	(39.827.531.652)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		107.600.000	107.600.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(107.600.000)	(107.600.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	111.413	1.993.013
<i>Nguyên giá</i>	231		242.911.019	242.911.019
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(242.799.606)	(240.918.006)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		57.048.705.736	56.947.705.736
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.12	57.048.705.736	56.947.705.736
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	11.029.502.069	11.029.502.069
1. Đầu tư vào công ty con	251		✓ 18.147.462.096	18.147.462.096 ✓
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(7.117.960.027)	(7.117.960.027)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		310.562.372	564.510.910
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	310.562.372	564.510.910
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		177.983.868.483	180.711.279.539

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

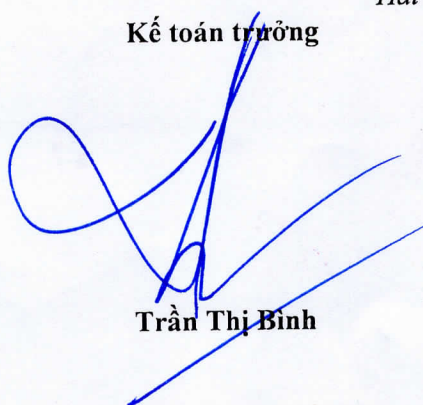
NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		62.942.626.146	64.557.579.257
I. Nợ ngắn hạn	310		62.942.626.146	64.557.579.257
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	4.709.578.496	5.449.062.197
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	2.780.479
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	184.387.422	100.024.151
4. Phải trả người lao động	314		166.725.843	178.438.529
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	83.941.060	282.257.075
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.16	1.839.402.582	2.579.581.218
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	44.239.618.706	44.246.463.571
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	11.718.972.037	11.718.972.037
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		115.041.242.337	116.153.700.282
(400 = 410 + 430)				
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.19	115.041.242.337	116.153.700.282
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		108.000.000.000	108.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		108.000.000.000	108.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.736.252.335	9.736.252.335
5. Cổ phiếu quỹ	415		(140.000.000)	(140.000.000)
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(2.555.009.998)	(1.442.552.053)
- <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	421a		(1.442.552.053)	(1.408.759.086)
- <i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	421b		(1.112.457.945)	(33.792.967)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		177.983.868.483	180.711.279.539
(440 = 300 + 400)				

Hải Phòng, ngày 10 tháng 02 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thanh Huyền

Trần Thị Bình

Lê Thị Hoài Thu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

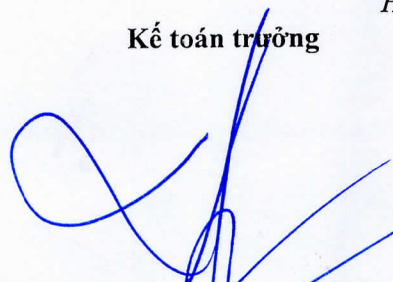
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	8.391.454.482	10.810.094.104
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		8.391.454.482	10.810.094.104
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	9.367.242.659	10.813.248.471
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(975.788.177)	(3.154.367)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	2.160.648.163	2.482.375.840
7. Chi phí tài chính	22	6.4	-	111.376.033
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	576.636.750	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	2.148.682.486	2.418.694.154
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)	30		(1.540.459.250)	(50.848.714)
11. Thu nhập khác	31		1.353.607.498	89.567.429
12. Chi phí khác	32		507.494.428	53.163.450
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	6.7	846.113.070	36.403.979
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(694.346.180)	(14.444.735)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	418.111.765	19.348.232
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(1.112.457.945)	(33.792.967)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	(103)	(3)

Hải Phòng, ngày 10 tháng 02 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Thanh Huyền

Trần Thị Bình

Lê Thị Hoài Thu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(694.346.180)	(14.444.735)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐS đầu tư	02	3.382.155.863	3.419.092.256
- Các khoản dự phòng	03	2.001.626.535	(94.580.033)
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(2.160.648.163)	(2.512.531.507)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.528.788.055	797.535.981
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	2.600.810.938	(1.930.390.609)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	341.693.796	289.007.120
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(2.411.572.674)	(730.066.771)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(162.072.092)	(301.048.342)
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(327.746.747)	(444.326.172)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(3.970.047.995)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.569.901.276	(6.289.336.788)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & TSDH khác	22	605.254.545	56.672.728
2. Chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(67.042.166.301)	(63.701.925.835)
3. Thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	61.766.285.600	67.276.851.435
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.160.648.163	1.848.003.546
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.509.977.993)	5.479.601.874
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	59.923.283	(809.734.914)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	605.973.717	1.415.708.631
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	665.897.000	605.973.717

Hải Phòng, ngày 10 tháng 02 năm 2022

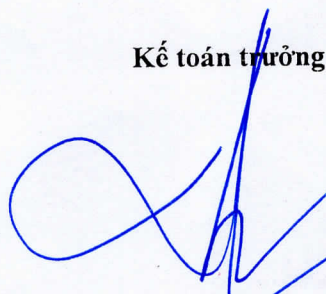
Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Huyền



Trần Thị Bình



Lê Thị Hoài Thu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần ACS Việt Nam tiền thân là Công ty Quảng cáo và Dịch vụ văn hóa, được thành lập theo Quyết định số 2279/QĐ-UBND ngày 30/09/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0200124348 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 14/10/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 06/05/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km10 đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 108.000.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm linh tám tỷ đồng) và cơ cấu vốn:

Cổ đông	Vốn điều lệ cam kết góp	Vốn điều lệ đã góp	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ Phần Petro Sao Đỏ	55.350.320.000	55.350.320.000	51%
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	32.633.110.000	32.633.110.000	30%
Bà Đặng Thị Bích Liên	14.568.690.000	14.568.690.000	13%
Các cổ đông khác	5.447.880.000	5.447.880.000	5%
Tổng	108.000.000.000	108.000.000.000	100%

1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Quảng cáo (chính). Chi tiết: Sáng tạo và thực hiện các chiến dịch quảng cáo: sáng tạo và đặt quảng cáo trong báo, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình, internet và các phương tiện truyền thông khác; Đặt quảng cáo ngoài trời như: bảng lớn, panô, bảng tin, cửa sổ, phòng trưng bày, ô tô con và ô tô buýt; Phân phối các nguyên liệu hoặc mẫu quảng cáo; Cung cấp các chỗ trống quảng cáo trên bảng lớn; Làm các chiến dịch quảng cáo và những dịch vụ quảng cáo khác như: khuyến khích trưng quảng cáo, marketing điểm bán, quảng cáo thư trực tuyến, tư vấn marketing;
- Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc;
- In ấn. Chi tiết: In ấn các loại văn hóa phẩm và bao bì phục vụ sản xuất và tiêu dùng;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn máy ảnh, phim ảnh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành ảnh; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành in;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc và cho thuê văn phòng; Cho thuê mặt bằng tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn văn hóa nghệ thuật, thể thao, hội nghị, hội thảo và các sự kiện khác;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Tổ chức biểu diễn nghệ thuật, thể thao;
- Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí. Chi tiết: Tổ chức biểu diễn, nghệ thuật, thể thao;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (trừ quầy bar);

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

1.2 Ngành nghề kinh doanh của Công ty (Tiếp theo)

- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị; Xây dựng và trùng tu các công trình văn hóa, các di tích lịch sử văn hóa; Xây dựng tượng đài;
- Hoàn thiện công trình xây dựng. Chi tiết: Trang trí mỹ thuật nội - ngoại thất cho các công trình dân dụng và công trình công cộng;

Hoạt động chính của Công ty trong năm: In ấn, tổ chức sự kiện, quảng cáo.

1.3. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có đơn vị trực thuộc (hạch toán phụ thuộc) sau:

TT	Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1.	Chi nhánh Công ty Cổ phần ACS Việt Nam - Ban quản lý dự án	Km 10, Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng
2.	Chi nhánh Công ty Cổ phần ACS Việt Nam - Xí nghiệp In ACS Việt nam	Km 10, Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng
3.	Chi nhánh Công ty Cổ phần ACS Việt Nam - Trung tâm Quảng cáo	Km 10, Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng
4.	Chi nhánh Công ty Cổ phần ACS Việt Nam - Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế	Km 10, Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, TP. Hải Phòng

Trong đó: Các Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc hạch toán tập trung tại Phòng Tài chính kế toán của Công ty.

Công ty con:

TT	Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1.	Công ty Kinh doanh vận chuyển hành khách Hải Phòng	Số 5 Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Vận chuyển hành khách	95,0%	95,0%
2.	Công ty TNHH Thời đại ACS	Số 168 Nguyễn Công Trứ, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng	Quảng cáo	51,0%	51,0%

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp bằng Đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính tổng hợp của các đơn vị trực thuộc, doanh thu, giá vốn và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn). Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Khoản tương đương tiền: là khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con, công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: Việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Công ty không trích lập là do không có giảm giá hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình: Phần mềm máy vi tính và Trang web công ty được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phương pháp khấu hao được áp dụng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Phần mềm máy tính	05

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: là công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí sửa chữa được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian phân bổ là 01 năm và 02 năm.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Chi phí lãi vay, tiền thuê đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện hợp đồng.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: Tiền nhận trước cho nhiều kỳ về cho thuê nhà, thuê đất và nhận trước về dịch vụ làm pano, quảng cáo được phân bổ số tiền cho thuê nhận trước vào doanh thu theo phương pháp đường thẳng tương ứng với kỳ kế toán đã nhận tiền trước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ: được ghi nhận khi Công ty mua lại chính cổ phiếu của Công ty đã phát hành và được phản ánh là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu (trình bày là số âm trên Bảng cân đối kế toán).

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty, mức trích lập cụ thể dựa trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Đối với doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (05) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn hàng hóa, bất động sản cho thuê, giá vốn dịch vụ quảng cáo, tổ chức sự kiện (gồm chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan gồm: Công ty Cổ phần Petro Sao Đỏ (Công ty Mẹ), và các công ty con, công ty liên kết của Công ty Cổ phần ACS Việt Nam, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty và có ảnh hưởng đáng kể đối với việc thay đổi, áp dụng, phê duyệt các chiến lược, kế hoạch kinh doanh, chính sách tài chính ... của Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt (VND)	43.065.707	34.683.513
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (VND)	622.831.293	571.290.204
Tổng	665.897.000	605.973.717

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn

Đơn vị tính: VND

a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

Tiền gửi kỳ hạn 6 - 12 tháng	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hải Phòng	5.050.000.000	5.050.000.000	1.660.000.000	1.660.000.000
Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín - CN Hải Phòng	2.041.000.000	2.041.000.000	1.935.705.600	1.935.705.600
Ngân hàng Sài Gòn - CN Hồng Bàng	21.400.000.000	21.400.000.000	18.983.000.000	18.983.000.000
Ngân hàng Sài Gòn - CN Hồng Bàng	-	-	35.000.000	35.000.000
Ngân hàng Đại chúng Techcom Bank	12.150.586.301	12.150.586.301	12.683.000.000	12.683.000.000
	-	-	69.000.000	69.000.000
Tổng	40.641.586.301	40.641.586.301	35.365.705.600	35.365.705.600

b) Đầu tư tài chính dài hạn

Thông tin các khoản đầu tư vào Công ty con:

TT	Công ty con	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1.	Công ty Kinh doanh vận chuyển hành khách Hải Phòng	Số 5 Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng	Vận chuyển hành khách	95,0%	95,0%
2.	Công ty TNHH Thời đại ACS	Số 168 Nguyễn Công Trứ, phường Hàng Kênh, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng	Quảng cáo	51,0%	51,0%

Đầu tư vào công ty con	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty KD vận chuyển hành khách Hải Phòng (1)	17.688.462.096	7.006.583.994	10.681.878.102	17.688.462.096	7.006.583.994	10.681.878.102
Công ty TNHH Thời đại ACS (2)	459.000.000	111.376.033	347.623.967	459.000.000	111.376.033	347.623.967
Tổng	18.147.462.096	7.117.960.027	11.029.502.069	18.147.462.096	7.117.960.027	11.029.502.069

(1): Công ty Kinh doanh vận chuyển hành khách Hải Phòng là Công ty liên doanh giữa Công ty Newealth International Ltd (Hong Kong) với Công ty Quảng cáo và Dịch vụ Văn hóa Hải Phòng (nay là Công ty Cổ phần ACS Việt Nam), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép đầu tư số 777/GP ngày 28/2/1994 của Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư. Hiện tại Công ty đã ngừng hoạt động kinh doanh do đã hết thời gian hoạt động theo Giấy phép đầu tư và đang thực hiện thủ tục đóng mã số thuế. Phần chênh lệch giữa giá gốc với khoản dự phòng đã trích lập: 10.681.878.102 đồng sẽ được thu hồi khi bù trừ với khoản Công ty Cổ phần ACS Việt Nam vay Công ty Kinh doanh vận chuyển hành khách Hải Phòng: 11.218.972.037 đồng (Thuyết minh số 18).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn (Tiếp theo)

(2): Công ty thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200849288 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 22/11/2008. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 đồng.

Theo Quyết định số 02/QĐ-HĐTV ngày 31/8/2018 của Hội đồng thành viên về việc giải thể Công ty TNHH Thời đại ACS, Công ty đang trong quá trình làm việc với Cục thuế Hải Phòng về công tác quyết toán thuế. Đến thời điểm hiện tại Công ty TNHH Thời đại ACS đã dừng hoạt động kinh doanh và chưa hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế. Công ty TNHH Thời đại ACS đang tiếp tục giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu cho Cục thuế Thành phố Hải Phòng theo nội dung Biên bản làm việc ngày 17/5/2019.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP Ống thép Việt Đức VG PIPE	16.500.000	165.000.000
Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	-	355.432.000
Công ty CP Bia Sài Gòn Đông Bắc	82.500.000	82.500.000
Công ty Quảng cáo trẻ Sài Gòn	-	140.000.000
Công ty TNHH Mỹ thuật quảng cáo Vân Công (*)	111.298.000	111.298.000
Công ty CP Dịch vụ thương mại Thái Sơn	-	116.640.000
Công ty Tập đoàn TM và truyền thông Bắc Hà (*)	56.383.350	56.383.350
Đối tượng khác có số dư nợ dưới 10% tổng nợ	683.320.449	794.580.808
Tổng	950.001.799	1.821.834.158

(*): Công nợ đã được trích lập dự phòng

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty Xây dựng dịch vụ Ngô Quyền (*)	241.331.000	241.331.000
Công ty CP Xây dựng Halaco	-	28.230.000
Công ty CP tổ chức sự kiện và QC Việt Anh	-	40.000.000
Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt	-	50.000.000
Công ty Tư vấn Đầu tư giao thông công cộng	-	55.642.727
Công ty TNHH Xây lắp đo lường Nhật Minh	-	51.000.000
Trung tâm Phát triển quỹ đất Hải Phòng	-	51.000.000
Đối tượng khác	152.309.441	570.285.702
Tổng	393.640.441	1.036.489.429

(*): Công nợ đã được trích lập dự phòng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

Đơn vị tính: VND

Phải thu ngắn hạn khác	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	7.169.278.276	-	12.259.186.937	1.499.828.996
Tạm ứng (1)	5.903.174.717	-	6.636.714.256	-
Phải thu khác (2)	1.266.103.559	-	5.622.472.681	1.499.828.996
b) Dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-
Ký quỹ, ký cược	10.000.000	-	10.000.000	-
Tổng	7.179.278.276	-	12.269.186.937	1.499.828.996

Chi tiết cho khoản tạm ứng và phải thu khác:

Chi tiết tạm ứng (1)	5.903.174.717	-	6.636.714.256	-
Lê Thị Hoài Thu - GD (*)	1.774.636.700	-	1.774.636.700	-
Vũ Thị Thu Hồng (*)	3.333.602.483	-	3.333.602.483	-
Trần Tiến Đạt	5.740.000	-	155.345.000	-
Trần Long Khánh	-	-	47.000.000	-
Cá nhân khác	789.195.534	-	1.326.130.073	-
Chi tiết phải thu ngắn hạn khác (2)	1.364.197.559	-	5.622.472.681	1.080.740.996
Bà Lê Lệ Quyên - Nhà sách Hải Hà	-	-	414.646.022	414.646.022
Công ty Môi trường xanh	-	-	419.088.000	-
Chi phí 50 năm Hải Phòng giải phóng	-	-	666.094.974	666.094.974
Ngân hàng VPBank - CN Hải Phòng	98.094.000	-	42.000.000	-
Công ty TNHH Kiểm toán An Việt	-	-	2.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Hải Phòng	322.000.000	-	463.000.000	-
Ngân hàng Đại chúng - CN Hải Phòng	80.013.000	-	229.000.000	-
Công ty TNHH Thời đại ACS	203.357.678	-	203.357.678	-
Cá nhân khác	660.732.881	-	685.286.007	-

(*) Tạm ứng liên quan đến thực hiện các thủ tục đầu tư dự án Khu du lịch Sông He theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 05/BBHQQT-2020 ngày 23/10/2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5.6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Số có khả năng thu hồi	Giá gốc	Số có khả năng thu hồi
Phải thu khách hàng				
Công ty TNHH DV-TM Bắc Việt	121.347.548	-	121.347.548	-
Công ty Á Châu	220.797.575	-	220.797.575	-
Công ty TNHH Hội chợ thương mại triển lãm Bắc Hà	56.383.350	-	56.383.350	-
Công ty CP Cao su AVI	-	-	48.000.000	-
Trung tâm giống gia súc Hải Dương	-	-	17.420.000	-
Công ty TNHH Mỹ thuật Quảng cáo Vân Công	111.298.000	-	111.298.000	-
Công ty Quảng cáo trẻ Sài Gòn	-	-	140.000.000	-
Trả trước cho nhà cung cấp				
Công ty Xây dựng Dịch vụ Ngô Quyền	241.331.000	-	241.331.000	-
Công ty CP Tổ chức sự kiện và quảng cáo Việt Anh	-	-	40.000.000	-
Công ty CP Xây dựng Halaco	-	-	28.230.000	-
Phải thu khác				
Công ty Môi trường xanh	-	-	419.088.000	-
Chi phí 50 năm Hải Phòng giải phóng	-	-	666.094.974	-
Bà Lê Lệ Quyên - Nhà sách Hải Hà	-	-	414.646.022	-
Các đối tượng khác	107.293.345	-	335.440.884	-
Tổng	858.450.818	-	2.860.077.353	-

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	18.464.830	-	129.284.654	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	9.971.237	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	206.194.053	-
Thành phẩm	-	-	14.708.682	-
Tổng	18.464.830	-	360.158.626	-

5.8 Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn	462.122.718	46.102.088
Công cụ dụng cụ phân bổ	-	10.000.000
Chi phí khác	462.122.718	36.102.088
b) Dài hạn	310.562.372	564.510.910
Sửa chữa tài sản cố định (biển quảng cáo, pano)	310.562.372	564.510.910
Tổng	772.685.090	610.612.998

CÔNG TY CỔ PHẦN ACS VIỆT NAM

Km10 đường Phạm Văn Đồng, phường Anh Dũng, quận Dương Kinh, Thành phố Hải Phòng

Mẫu B09-DN/TH

Ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**5.9 Tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
Nguyên giá						
Tại 01/01/2021	64.369.113.516	5.167.218.362	744.747.636	149.817.442	32.063.233.390	102.494.130.346
Tăng, Giảm khác	-	(3.326.289.753)	-	32.722.100	-	(3.293.567.653)
Tại 31/12/2021	64.369.113.516	1.840.928.609	744.747.636	182.539.542	32.063.233.390	99.200.562.693
Giá trị hao mòn						
Tại 01/01/2021	24.142.771.929	5.134.774.287	744.747.636	149.817.442	9.655.420.358	39.827.531.652
Khấu hao trong năm	1.915.540.080	6.166.695	-	-	1.458.567.488	3.380.274.263
Tăng, Giảm khác	-	(3.300.012.373)	-	32.722.100	(26.277.380)	(3.293.567.653)
Tại 31/12/2021	26.058.312.009	1.840.928.609	744.747.636	182.539.542	11.087.710.466	39.914.238.262
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2021	40.226.341.587	32.444.075	-	-	22.407.813.032	62.666.598.694
Tại 31/12/2021	38.310.801.507	-	-	-	20.975.522.924	59.286.324.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5.10 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

	Phần mềm kế toán	Trang Web ACS	Tổng
Nguyên giá			
Tại 01/01/2021	74.000.000	33.600.000	107.600.000
Tăng trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại 31/12/2021	74.000.000	33.600.000	107.600.000
Giá trị hao mòn			
Tại 01/01/2021	74.000.000	33.600.000	107.600.000
Khấu hao trong năm	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại 31/12/2021	74.000.000	33.600.000	107.600.000
Giá trị còn lại			
Tại 01/01/2021	-	-	-
Tại 31/12/2021	-	-	-
<i>Trong đó: Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao</i>	<i>42.000.000</i>	<i>33.600.000</i>	<i>75.600.000</i>

5.11 Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	242.911.019	240.918.006	1.993.013
Tăng trong năm	-	1.881.600	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	242.911.019	242.799.606	111.413

Bất động sản đầu tư là giá trị hạ tầng, nhà cửa vật kiến trúc được sử dụng để cho thuê tại số 168 Nguyễn Công Trứ, quận Lê Chân, TP. Hải Phòng; Nhà số 36 Hoàng Văn Thụ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng ...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tòa nhà đa năng ACS (1)	14.252.215.487	14.252.215.487	14.201.715.487	14.201.715.487
Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng (2)	42.796.490.249	42.796.490.249	42.745.990.249	42.745.990.249
- Giai đoạn II	16.135.431.420	16.135.431.420	16.084.931.420	16.084.931.420
- Giai đoạn III	10.773.892.379	10.773.892.379	10.773.892.379	10.773.892.379
- Hạ tầng kỹ thuật	15.887.166.450	15.887.166.450	15.887.166.450	15.887.166.450
Tổng	57.048.705.736	57.048.705.736	56.947.705.736	56.947.705.736

(1): UBND thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 02121000159 ngày 10/01/2008 cho phép Công ty Cổ phần ACS Việt Nam thực hiện dự án đầu tư: Tòa nhà đa năng ACS tại số 50 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng. Giá trị đã đầu tư: 14.252.215.487 đồng là tiền đền bù di chuyển đối với các hộ dân theo hình thức thỏa thuận mua lại, đền bù đối với tài sản trên đất theo giá thị trường. Hiện nay Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện công tác thương lượng, đền bù đối với các hộ dân, tổ chức còn lại trong diện tích đất thu hồi cho dự án cũng như hoàn thiện các thủ tục đầu tư có liên quan.

(2): Dự án được Ngân sách thành phố cấp với số tiền: 40.023.429.000 đồng (thuyết minh 5.17).

Dự án đã được UBND thành phố Hải Phòng ra Quyết định thu hồi đất số 727/QĐ-UBND ngày 03/04/2017; Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 03/04/2017 và Quyết định số 1638/QĐ-UBND ngày 27/6/2017 về việc sửa đổi, bổ xung Quyết định số 727/QĐ-UBND ngày 03/04/2017 và Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 03/04/2017.

Theo đó, giá trị được các Sở ban ngành thẩm định và dự kiến đền bù như sau:

Thông báo số 1257/SXD-KTVL ngày 10/04/2019 của Sở Xây dựng Hải Phòng về việc chấp thuận số tiền đền bù vật kiến trúc: 74.383.588.000 đồng.

Công ty vẫn đang tiếp tục làm việc với các Ban, ngành chức năng của Thành phố, đề nghị số tiền đền bù cho cây cối, hoa màu, vật nuôi là: 15.668.000 đồng và chi phí khác là 16.700.000.000 đồng đã đầu tư trên khu đất bị thu hồi đất nhằm đảm bảo quyền lợi cao nhất cho các cổ đông của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5.13 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty XD Dịch vụ Ngô Quyền (1)	3.643.025.335	3.643.025.335	3.643.025.335	3.643.025.335
Công ty TNHH Quảng cáo TST (2)	806.955.915	806.955.915	806.955.915	806.955.915
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đắc Ngân	161.477.296	161.477.296	161.477.296	161.477.296
Công ty TNHH In 3P	-	-	113.350.000	113.350.000
Công ty Tư vấn Đại học Xây dựng	-	-	123.175.843	123.175.843
Công ty CP SX và DVTM Minh Hòa	-	-	128.286.493	128.286.493
Công ty chiếu sáng đô thị Hải Phòng	-	-	87.999.004	87.999.004
Viện Khoa học công nghệ	-	-	61.672.727	61.672.727
Các đối tượng khác	98.119.950	98.119.950	323.119.584	323.119.584
Tổng	4.709.578.496	4.709.578.496	5.449.062.197	5.449.062.197

(1): Công nợ phải trả của Hợp đồng thi công Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Hội chợ triển lãm Thương mại - Văn hóa Hải Phòng. Khoản công nợ sẽ được thanh quyết toán khi được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán Dự án hoàn thành (Thuyết minh 5.12).

(2): Khoản nợ sẽ được quyết toán khi Công ty TNHH Thời đại ACS (Công ty con) thực hiện xong thủ tục giải thể để bù trừ công nợ ba bên (Công ty TNHH Thời đại ACS, Công ty Cổ phần ACS Việt Nam và Công ty TNHH Quảng cáo TST theo thỏa thuận tại Biên bản đối chiếu, bù trừ công nợ ba bên ngày 01/01/2017).

5.14 Thuế phải thu, phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2021		Số phát sinh trong năm		31/12/2021	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	46.980.745	490.509.321	496.511.068	-	40.978.998
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	20.047.344	418.111.765	327.746.747	-	110.412.362
Thuế thu nhập cá nhân	9.366.196	-	28.097.888	28.623.888	9.892.196	-
Tiền thuê đất	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	32.594.062	6.000.000	6.000.000	-	32.594.062
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	402.000	-	-	-	402.000
Tổng	9.366.196	100.024.151	942.718.974	858.881.703	9.892.196	184.387.422

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
Chi phí duy tu sửa chữa biển quảng cáo	19.200.000	209.397.015
Chi phí trích trước khác	64.741.060	72.860.060
Tổng	<u>83.941.060</u>	<u>282.257.075</u>

5.16 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>31/12/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
Tiền trả trước về cho thuê nhà, mặt bằng	448.798.182	1.106.672.273
Tiền nhận trước về dịch vụ làm quảng cáo, pano	1.390.604.400	1.472.908.945
Tổng	<u>1.839.402.582</u>	<u>2.579.581.218</u>

5.17 Phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	<u>31/12/2021</u> VND	<u>01/01/2021</u> VND
KPCĐ, BHXH, BHYT	68.721.761	32.524.025
Nguồn vốn xây dựng cơ bản (*)	40.023.429.000	40.023.429.000
Tiền đặt cọc của các đối tác	2.287.800.000	1.833.000.000
Lãi vay chậm trả ngân hàng Công thương Việt Nam - CN	1.692.033.055	1.692.033.055
Hồng Bàng (**)	167.634.890	665.477.491
Phải trả khác		
Tổng	<u>44.239.618.706</u>	<u>44.246.463.571</u>

(*): Vốn ngân sách thành phố Hải Phòng cấp cho Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Hội chợ triển lãm Thương mại - Văn hóa Hải Phòng đang chờ quyết toán (thuyết minh 5.12).

(**): Công ty đã có đơn xin miễn giảm khoản lãi vay và đang chờ cấp có thẩm quyền của Ngân hàng phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5.18 Vay ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Kinh doanh vận chuyển hành khách Hải Phòng (*)	11.218.972.037	11.218.972.037	11.218.972.037	11.218.972.037
Công ty Xây dựng và Dịch vụ Ngô Quyền	500.000.000	500.000.000	500.000.000	500.000.000
Tổng	11.718.972.037	11.718.972.037	11.718.972.037	11.718.972.037

(*) Khoản công nợ sẽ được bù trừ quyết toán với khoản góp vốn liên doanh (thuyết minh số 5.2) khi xong thủ tục giải thể Công ty Kinh doanh vận chuyển hành khách Hải Phòng.

5.19 Vốn chủ sở hữu

a) Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	108.000.000.000	9.736.252.335	(140.000.000)	(1.408.759.086)	116.187.493.249
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	(33.792.967)	(33.792.967)
Số dư cuối năm trước	108.000.000.000	9.736.252.335	(140.000.000)	(1.442.552.053)	116.153.700.282
Số dư đầu năm nay	108.000.000.000	9.736.252.335	(140.000.000)	(1.442.552.053)	116.153.700.282
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(1.112.457.945)	(1.112.457.945)
Số dư cuối năm nay	108.000.000.000	9.736.252.335	(140.000.000)	(2.555.009.998)	115.041.242.337

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	31/12/2020 VND
Công ty Cổ Phần xây dựng số 3 Hải Phòng	-	55.037.820.000
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước	32.633.110.000	32.633.110.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Văn Long CDC	-	5.167.550.000
Trần Tuấn Khanh	-	5.167.560.000
Đào Văn Toàn	-	3.820.580.000
Công ty Cổ Phần Petro Sao Đỏ	55.350.320.000	312.500.000
Bà Đặng Thị Bích Liên	14.568.690.000	-
Các cổ đông khác	5.447.880.000	5.860.880.000
Tổng	108.000.000.000	108.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c) Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.800.000	10.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	10.800.000	10.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.800.000	10.800.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (Cổ phiếu quỹ)	12.000	12.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000	12.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	10.788.000	10.788.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu</i>		

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.523.427.860	8.209.998.942
Doanh thu hoạt động in	868.026.622	2.600.095.162
Tổng	8.391.454.482	10.810.094.104

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ	8.451.602.532	8.646.841.164
Giá vốn hoạt động in	915.640.127	2.166.407.307
Tổng	9.367.242.659	10.813.248.471

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi	2.160.648.163	2.482.375.840
Tổng	2.160.648.163	2.482.375.840

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Dự phòng đầu tư tài chính (Công ty TNHH Thời đại ACS)	-	111.376.033
Tổng	-	111.376.033

6.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	576.636.750	-
Tổng	576.636.750	-

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.331.598.886	1.351.734.188
Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ	1.576.452	5.454.545
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	4.520.818
Thuế, phí và lệ phí	1.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.213.332	12.272.137
Chi phí khác bằng tiền	804.293.816	1.038.712.466
Tổng	2.148.682.486	2.418.694.154

6.7 Thu nhập và chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	1.353.607.498	89.567.429
Xử lý công nợ	41.726.179	-
Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	605.254.545	56.672.728
Thu nhập từ trông xe tổ chức hội chợ	8.692.727	28.426.364
Thu nhập khác	697.934.047	4.468.337
Chi phí khác	507.494.428	53.163.450
Phạt vi phạm thuế và tiền phạt hành chính	81.968.407	26.646.389
Chi phí thanh lý tài sản	-	26.517.061
Chi phí thanh lý hàng hoá	32.934.705	-
Xoá nợ	142.170.400	-
Chi phí khác	250.420.916	-
Lợi nhuận khác	846.113.070	36.403.979

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(694.346.180)	(14.444.735)
Các khoản điều chỉnh thu nhập chịu thuế	1.539.810.541	152.646.389
- Tăng thu nhập chịu thuế	1.539.810.541	152.646.389
- Giảm thu nhập chịu thuế	-	-
Thu nhập chịu thuế	845.464.361	138.201.654
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	169.092.872	27.640.331
Giảm 30% số phải nộp (*)	(50.727.862)	(8.292.099)
Số tiền thuế phải nộp theo Biên bản thanh tra thuế	299.746.747	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	418.111.765	19.348.232

(*) Năm 2020, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội và Nghị định 114/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 về việc quy định chi tiết thi hành Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc Hội về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm 2020 đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp và tổ chức khác.

Năm 2021, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị quyết 406/UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19; Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Nghị quyết 406/UBTVQH15 ngày 19/10/2021 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành một số giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19.

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập	(1.112.457.945)	(33.792.967)
Điều chỉnh tăng, giảm LN kế toán để xác định Lãi (Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.112.457.945)	(33.792.967)
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	10.786.000	10.786.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	(103)	(3)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân công	3.314.142.866	1.331.598.886
Chi phí nguyên vật liệu	692.523.173	1.576.452
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.380.274.263	3.419.092.256
Thuế, phí lệ phí	1.000.000	6.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.070.936.322	12.272.137
Chi phí khác bằng tiền	1.427.958.615	1.038.712.466
Tổng	9.886.835.239	5.809.252.197

7. THÔNG TIN KHÁC

7.1 Giao dịch với các bên liên quan

a) Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Đơn vị tính VND

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thù lao, lương và phụ cấp khác	770.647.336	724.642.085
Tổng		770.647.336	724.642.085

b) Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Phải thu	31/12/2021	01/01/2021
Lê Thị Hoài Thu (Ban Giám đốc)	Tạm ứng	1.774.636.700	1.774.636.700
Công ty TNHH Thời đại ACS	Chi hộ các khoản chi phí hoạt động	203.357.678	203.357.678
Tổng		1.977.994.378	1.977.994.378

7.2 Công cụ tài chính

Theo quy định tại Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp: Trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn thực hiện chuẩn mực này được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định chưa trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo quy định tại Thông tư 210/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

7.3 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập dựa trên cơ sở Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần (ít nhất 12 tháng). Công ty không có ý định giải thể hay ngừng hoạt động kinh doanh cũng như bị buộc phải thu hẹp đáng kể hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty đã được kiểm bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT với ý kiến chấp nhận.

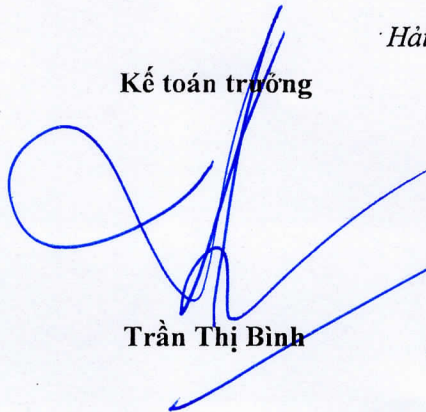
Hải Phòng, ngày 10 tháng 02 năm 2022

Người lập biểu



Nguyễn Thanh Huyền

Kế toán trưởng



Trần Thị Bình

Tổng Giám đốc



Lê Thị Hoài Thu